

Bản án số: 284/2020/HS-ST
Ngày 24- 7- 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Trung Hiếu, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D tham gia phiên tòa:
Hoàng Thị Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 240/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 279/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn S (tên gọi khác X), sinh năm 1989 tại tỉnh Trà Vinh; thường trú: khu phố 2, phường L, Quận T, Thành phố H; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; con ông Bùi Văn S, chết và bà Phạm Thị D, sinh năm 1963; có 04 anh chị em ruột, lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1994; tiền án: Ngày 19/05/2013 bị TAND huyện T, tỉnh Đồng Nai xử phạt 04 năm tù giam về tội Cướp giật tài sản, theo bản án số 89/2013/HSST; Ngày 10/09/2013 bị TAND Thành phố D, tỉnh Bình Dương xử phạt 04 năm tù giam về tội Cướp giật tài sản, theo bản án số 345/2013/HSST, tổng hợp hình phạt với bản án 89/2013/HSST là 08 năm tù giam. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/02/2018, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27/6/2020 bị Tòa Án nhân dân thành phố D xử phạt 04 (bốn) năm về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo bản án số 242/2020/HS-ST; bị bắt giam trong vụ án khác. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Anh Q (tên gọi khác Đ), sinh năm 1989 tại tỉnh Sóc Trăng; thường trú: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1961 và con bà Lý Thị Thu L, sinh năm 1968; có 01 em ruột, sinh năm 1992; có vợ Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1985; có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2012; tiền án: Không, tiền sự: Ngày 19/12/2018 bị TAND Thành

phố D, tỉnh Bình Dương đưa đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện tỉnh Bình Dương thời hạn 14 tháng; nhân thân: Ngày 08/11/2012 bị TAND Thành phố D, tỉnh Bình Dương xử phạt 08 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản, theo bản án số 358/2012/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/03/2013, đóng án phí xong ngày 04/09/2015; bị bắt tạm giam từ ngày 14/02/2020. Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Sơn T, sinh năm 1992 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Hồng S, sinh năm 1968 và bà Huỳnh Thanh H, sinh năm 1967; có 01 em ruột, sinh năm 1994; có vợ Lý Thị Bé B, sinh năm 1997; có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018; tiền án: Không, tiền sự: Ngày 15/10/2018 bị TAND Thành phố D, tỉnh Bình Dương đưa đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện tỉnh Bình Dương thời hạn 12 tháng. Chấp hành xong ngày 19/11/2019; bị bắt tạm giam ngày 14/02/2020. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Nguyễn Thanh B, sinh năm 1990; thường trú: khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Chí L, sinh năm 1997; địa chỉ: phường 4, thành phố C, tỉnh Cà Mau; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Tống Thị Bích H, sinh năm 1992; địa chỉ: khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt tại phiên tòa.

3. Hoàng Ngọc L, sinh năm 1992; địa chỉ: khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 22/01/2020, Bùi Văn S, Nguyễn Anh Q và Nguyễn Sơn T sau khi đi ăn tối tại quán (không rõ tên quán và địa chỉ) gần Ngã ba Cây Lơn thuộc phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương xong. S điều khiển xe mô tô kiểu dáng Wave (không rõ biển số) của S chở Q và T đi ngang qua quán cà phê “M” địa chỉ khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, do anh Nguyễn Thanh B làm chủ, Q, S và T nhìn thấy quán cà phê khóa cửa bên ngoài, nên S rủ Q và T cắt cửa vào bên trong quán cà phê lấy tài sản. S dừng xe mô tô ở phía trước quán cà phê và nói Q đi vào xem cửa khóa bằng ổ khóa gì, Q xuống xe đi đến xem rồi quay lại nói cho S và T biết cửa khóa bằng ổ khóa Việt Tiệp. S lấy kim cắt dài 60cm ở trên бага xe mô tô và cùng Q đi vào cửa quán cà phê cắt ổ khóa, còn T ngồi trên xe mô tô đứng phía ngoài canh giới. Sau khi cắt được ổ khóa của quán, S và Q đi vào bên trong quán cà phê lục tìm tài sản, Q lục tìm tài sản một lúc

không tìm thấy tài sản gì nên đi ra đứng cùng T để cảnh giới, còn S tiếp tục lục tìm tài sản. S tìm trên gác của quán phát hiện thấy có 01 con heo đất và đập heo đất vỡ ra lấy tiền bỏ vào 01 bịch nylon và cuộn vào trong 01 cái áo đem ra ngoài đi đến nơi Q và T đang đứng và T điều khiển xe mô tô chở S và Q đi về phòng trọ của Q tại khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Tại phòng trọ của Q, S lấy bịch tiền vừa trộm cắp được chia thành ba phần. Q đếm được số tiền 14.000.000 đồng, T đếm được số tiền 16.000.000 đồng, còn S đếm được số tiền 21.000.000 đồng. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, T và S đi đến phòng trọ của Nguyễn Chí L, địa chỉ khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, T cho L số tiền 1.500.000 đồng, tên L hỏi T “Vô mảnh hay sao vậy” thì T nói cho tên L biết “Mới làm xong”, L hiểu T mới đi ăn trộm về.

Ngày 22/01/2020 anh B phát hiện mất tài sản: 01 con heo đất bên trong có 130.000.000 đồng và 02 chiếc nhẫn vàng 24k trọng lượng 02 chỉ nên anh Bình xem lại camera trong quán thì nhìn thấy hình ảnh T, S, Q lấy trộm tài sản. Anh B biết L quen với Q, T và S nên đã gọi tên L đến quán cà phê của anh B để nói chuyện. Khi anh B và L gặp nhau thì L nói biết Q và T đang ở phường Đ nên ngày 13/02/2020, anh B đến Công an phường Đ trình báo.

Ngày 14/02/2020 T và Q đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cùng với S; T và Q tiêu xài hết số tiền trộm cắp được.

Sau khi phạm tội S đã bán chiếc xe dùng đi phạm tội cho người không rõ lai lịch nên không thu hồi được.

S được chia 21 triệu đồng, S đã tiêu xài hết số tiền 11.000.000 đồng và sử dụng số tiền 10.000.000 đồng, mua chiếc xe mô tô Yamaha Luvias, biển số 61D1-004.80.

Anh Nguyễn Thanh B khai báo bị mất trộm số tiền tổng cộng là 130.000.000 đồng và 02 chiếc nhẫn vàng 24K trọng lượng 02 chỉ nhưng các bị cáo Nguyễn Anh Q, Nguyễn Sơn T và Bùi Văn S thừa nhận chiếm đoạt số tiền là 51.000.000 đồng.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 94/BB.ĐG ngày 01/06/2020 của Hội đồng định giá Thành phố Dĩ An kết luận trị giá chiếc xe mô tô Yamaha Luvias biển số 61D1-004.80 là 10.000.000 đồng, trị giá 02 chiếc nhẫn vàng 24K trọng lượng 02 chỉ là 8.600.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

+ 01 chiếc xe mô tô Yamaha Luvias biển số 61D1-004.80 kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61D1 – 004.80.

+ 01 cây kìm cắt dài 60cm

Xử lý vật chứng:

Đối với tên Nguyễn Chí L được bị cáo T cho 1.500.000 đồng, L không biết số tiền các bị cáo phạm tội mà có nên không đề nghị xử lý là có cơ sở.

Đối với số tiền 79.000.000 đồng và 02 chiếc nhẫn vàng 24k trọng lượng 02 chỉ anh B báo bị mất, quá trình điều tra không chứng minh được.

Tại cáo trạng số: 274/CT-VKS ngày 08 tháng 6 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Bùi Văn S, Nguyễn Anh Q và Nguyễn Sơn T về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c Khoản

2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo Bùi Văn S mức án tù 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, Nguyễn Anh Q mức án tù 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù và Nguyễn Sơn T mức án tù 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Trách nhiệm dân sự:

Anh Bình yêu cầu các bị cáo Q, T, S phải có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 51.000.000 đồng cho bị hại anh Nguyễn Thanh B.

Xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Luvias biển số 61D1-004.80 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61D1-004.80 thu giữ của S, S dùng tiền phạm tội để mua, tiếp tục giao cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố D quản lý để đảm bảo cho việc thi hành án.

Đối với 01 cây kim cắt dài 60cm, các bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Nội dung vụ án: Hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 51.000.000 đồng của anh Nguyễn Thanh B vào khoảng 02 giờ ngày 22/01/2020 tại quán cà phê Mốc địa chỉ khu phố Đ, phường Đ, thành phố D của các bị cáo Nguyễn Anh Q, Nguyễn Sơn T và Bùi Văn S đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, cáo trạng số 274/CT-VKS-DA ngày 08 tháng 6 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Anh Q, Nguyễn Sơn Thông và Bùi Văn Siến là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo thực hiện tuy là nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương.

Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bùi Văn S phạm tội trong trường hợp tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; đối với bị cáo Q và T sau khi phạm tội các bị cáo đầu thú là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân xấu: Bị cáo Bùi Văn S bị Tòa án xét xử nhiều lần về tội cướp giật tài sản và ngày 27/6/2020 bị Tòa Án nhân dân thành phố D xử phạt 04 (bốn) năm về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo bản án số 242/2020/HS-ST (bản án chưa có hiệu lực pháp luật), bị cáo Nguyễn Anh Q bị Tòa án xét xử về tội trộm cắp tài sản và bị đưa đi cai nghiện ma túy bắt buộc và bị cáo Nguyễn Sơn T bị Tòa án đưa đi cai nghiện ma túy bắt buộc.

[7] Trong vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, các bị cáo tham gia với vai trò đều là người thực hành; nên không xem là đồng phạm có tổ chức.

[8] Trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Thanh Bình yêu cầu các bị cáo Nguyễn Anh Q, Nguyễn Sơn T và Bùi Văn S phải có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 51.000.000 đồng.

Xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Luvias biển số 61D1-004.80 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61D1-004.80, S dùng tiền phạm tội để mua, tiếp tục giao cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An quản lý để đảm bảo cho việc thi hành án.

Đối với 01 cây kim cắt dài 60cm, các bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

[9] Đối với tên Nguyễn Chí L được bị cáo Thông cho 1.500.000 đồng, L không biết rõ số tiền các bị cáo phạm tội mà có nên không đề nghị xử lý là có cơ sở.

[10] Mức hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn S, Nguyễn Anh Q và Nguyễn Sơn T phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn S 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh Q 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/02/2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Sơn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/02/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 584 Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo Bùi Văn S, Nguyễn Anh Q và Nguyễn Sơn T có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Thanh Bình số tiền 51.000.000 (năm mươi một triệu) đồng.

Kể từ ngày anh Nguyễn Thanh B có yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo chậm trả số tiền trên thì hàng tháng các bị cáo còn phải trả cho anh Nguyễn Thanh B khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy 01 cây kim cắt dài 60cm.

Giao cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương 01 chiếc xe mô tô Yamaha Luvias biển số 61D1-004.80, số máy: 44S1023996, số khung: 023996 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61D1-004.80 quản thủ để đảm bảo cho việc thi hành án.

(theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/6/2020, lục lục 169)

4. Án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Bùi Văn S, Nguyễn Anh Q và Nguyễn Sơn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 850.000 (tám trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố D;
- Công an thành phố D;
- Chi cục THA dân sự thành phố D;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- UBND nơi các bị cáo cư trú;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKS nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Ngọc Quân